TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Thanh Hương
2. Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lương Xuân Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Kim Thị S trình bày:

Chị kết hôn với anh Lương Xuân Q ngày 23/7/2018, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình. Cưới xong vợ chồng chị không ở Thái Bình mà về xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc làm ăn và sinh sống ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng biết bảo ban nhau làm ăn. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau nói chuyện, hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được vì cả hai không còn tiếng nói chung nữa. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, áp lực. Chị và anh Q ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung: Cháu Lương Bảo N, sinh ngày 24/4/2019. Hiện cháu N đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị có chỗ ở ổn định, bản thân đang đi làm ở Công ty TNHH AMOVINA có địa chỉ ở: Khu công nghiệp K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập 7.437.598đ, có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lương Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày: Việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa anh với chị S anh không ý kiến gì, vì hiện nay anh đang tạm trú tại thôn H, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh và chị S ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày, hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được, cãi vã nhau thường xuyên, dẫn đến đầu tháng 8/2022 chị S về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Anh Q đã nhiều lần khuyên bảo chị S về để đoàn tụ gia đình và cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị S không đồng ý. Nay chị S làm đơn xin ly hôn, anh Q không muốn ly hôn, nhưng nếu chị S vẫn nhất quyết đòi ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Lương Bảo N, sinh ngày 24/4/2019. Hiện cháu N đang ở với chị S. Ly hôn anh Q đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập bình quân của anh 9.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã B, chính quyền địa phương cung cấp: Chị Kim Thị S và anh Lương Xuân Q không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị S thì Ủy ban nhân dân xã B không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay Ủy ban nhân dân xã B đều không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của chị S và anh Q. Hiện tại anh Lương Xuân Q vẫn đang tạm trú tại thôn H,

xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Q làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân ở xã B khoảng 150.000đ/1 ngày. Về con chung: Chị S và anh Q có 01 con chung là cháu: Lương Bảo N, sinh ngày 24/4/2019. Cháu N đang ở với chị S. Nay chị S có đơn xin ly hôn anh Q và các mối quan hệ khác trong vụ án giữa chị S và anh Q, Ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã B không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến chị S và anh Q về hành vi vi phạm pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã L, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Ngày 23/7/2018, UBND xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn cho anh Lương Xuân Q và chị Kim Thị S theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn giữa chị S và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Q, chị S không sinh sống tại địa phương mà sinh sống tại xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, UBND xã không biết giữa anh Q và chị S có mâu thuẫn gì không. Nay chị S có đơn xin ly hôn, UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị S đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh Q không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho chị Kim Thị S được ly hôn anh Lương Xuân Q; về con chung: Chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Bảo N, sinh ngày 24/4/2019. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị S và anh Q không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Kim Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Kim Thị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lương Xuân Q, hiện đang tạm trú tại: Thôn H, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với anh Lương Xuân Q, quá trình giải quyết vụ án có đến Tòa án làm việc duy nhất một lần, những lần triệu tập làm việc sau anh Q đều vắng mặt. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không lý do, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Q đăng ký kết hôn ngày 23/7/2018, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Q là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị S và anh Q thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị S và anh Q có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị S trình bày do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không hạnh phúc. Chị và anh Q đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng thừa nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Nếu chị S nhất quyết đòi ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Tòa án tiến hành xác minh tại xã B, nơi chị S và anh Q sinh sống, chính quyền địa phương cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Q. Việc chị S xin ly hôn anh Q và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị S xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị S và anh Q có 01 con chung là cháu: Lương Bảo N, sinh ngày 24/4/2019, hiện cháu N đang ở với chị S. Ly hôn cả chị S và anh Q đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Cấp dưỡng nuôi con chung các bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh về điều kiện nuôi con của chị S và anh Q thấy: Đối với chị S hiện đang ở thôn H, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cùng với bố mẹ đẻ. Chị có chỗ ở ổn định, bản thân đang đi làm ở Công ty TNHH AMOVINA có địa chỉ ở: Khu công nghiệp K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, thu

nhập 7.437.598đ, có đủ điều kiện để nuôi con. Về phía anh Q trình bày hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Dầu Khí Trần Hồng Q ở địa chỉ ở Cụm công nghiệp Đ, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thu nhập là 9 triệu đồng/1 tháng nhưng không cung cấp được cho Tòa án bảng lương thực lĩnh hàng tháng. Tòa án xác minh tại Công ty TNHH Dầu Khí Trần Hồng Q được biết ngày 10/10/2022, Giám đốc Công ty TNHH Dầu Khí Trần Hồng Q đã ký Quyết định số 007/2022/QĐ-CNDSVP về việc chấm dứt hợp đồng lao động với anh Q. Như vậy tính đến thời điểm này anh Q đã nghỉ việc ở Công ty TNHH Dầu Khí Trần Hồng Q được 04 tháng. Hiện tại anh Q đang ở nhà trọ và không cung cấp được thu nhập cụ thể của mình. Xác minh tại UBND xã B xác nhận: Mức thu nhập bình quân tại địa phương là 150.000đ/1 người/1 tháng. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như không làm xáo trộn cuộc sống, học tập của cháu N, cần giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị S và anh Q không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị S và anh Q không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Kim Thị S được ly hôn anh Lương Xuân Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Kim Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Bảo N, sinh ngày 24/4/2019. Hiện cháu N đang ở với chị S. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Kim Thị S phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005720 ngày 03/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh